

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/DS-PT
Ngày: 02 /03/2023
“V/v Tranh chấp quyền sử
dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Tăng

Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Nga

Ông Phạm Trung Thực

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Ông Hoàng Văn Hưng - Kiểm sát viên.

Trong 02 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2022/TLPT - DS ngày 12 tháng 8 năm 2022 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS - ST ngày 01/7/2022, của TAND huyện K.C bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2022/QĐ - PT ngày 14 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐ - PT ngày 13/02/2023, vụ án giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Hoàng Tuấn Kh., sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị M., sinh năm 1963 (đều có mặt)

HKTT, TT: Thôn V.N, xã H.T, huyện K.C, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Ông Hoàng Tuấn V., sinh năm 1967

HKTT, TT: Thôn V.N, xã H.T, huyện K.C, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đỗ Thị Á., sinh năm 1944 (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị C., sinh năm 1965 (có mặt).

3. Anh Hoàng Văn N., sinh năm 1997 (có mặt).

Đều HKTT, TT: Thôn V.N, xã H.T, huyện K.C, tỉnh Hưng Yên.

4. Ông Hoàng Tuấn Th., sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: Bản K.X, xã P.L, huyện T.C, tỉnh Sơn La.

5. Bà Hoàng Thị H., sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 74A, Đường L.Đ.H, phường V.Tr, thành phố L.S, tỉnh Lạng Sơn.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Hoàng Văn V. (Tuấn V.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Hoàng Tuấn Kh., bà Nguyễn Thị M. trình bày tại đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải có quan điểm như sau:

Bố ông Kh. là cụ Hoàng Tuấn L., sinh năm 1935, (chết năm 2007) và mẹ là cụ Hoàng Thị M. (chết khoảng năm 2013). Sinh thời cụ L. và cụ M. sinh được 02 người con là ông Hoàng Tuấn Kh. và ông Hoàng Văn V.. Khoảng năm 1968 cụ L. và cụ M. ly hôn, sau khi ly hôn thì ông Hoàng Văn V. (Hoàng Tuấn V.) ở với mẹ, ở thôn T.K, xã Đ.T, huyện K.C đến tuổi trưởng thành ông V. theo bố Dượng vào Đắc Lắc làm kinh tế, rồi lấy vợ sinh con ở trong đó, còn ông Hoàng Tuấn Kh. ở với cụ L. sinh sống và làm ăn tại thôn V.N, xã H.T, huyện K.C, tỉnh Hưng Yên.

Sau đó cụ L. kết hôn với bà Đỗ Thị Á., sinh năm 1944 sinh được 02 người con ông Hoàng Tuấn Th. và bà Hoàng Thị H..

Vào ngày 21/7/1998, cụ L. cùng vợ (mẹ kế của ông Kh., V.) là cụ Âm đã lập giấy chuyển nhượng cho vợ chồng ông Kh., bà M. 01 nhà đất cấp bốn (bốn gian) phía trước có các cạnh như sau: Phía Đông dài 13,5m; phía Bắc dài 12,8m giáp sân nhà Hoàng Tuấn Th. (em trai ông Kh. con của cụ Âm) phía Nam rộng 13,8m giáp đường bê tông của xóm, số tiền mà vợ chồng ông, bà bỏ ra mua là bằng 03 tấn thóc và cụ L. cũng bán cho ông Hoàng Tuấn Th. 01 nhà cấp bốn phía sau nhà ông, bà mua cũng có giá là 03 tấn thóc, trong giấy chuyển nhượng đó có người làm chứng là ông Hoàng Văn A. - thợ xây.

Hiện trạng khi ông Kh., bà M. mua nhà đất của cụ L., cụ Âm: Vào năm 1992 bố ông là cụ L. có xây nhà thì vợ chồng ông là người đóng gạch, đóng than, vào lò ra lò để xây dựng được nhà cấp bốn (bốn gian) như hiện nay.

Năm 2001, vợ chồng ông, bà có mời ông Hoàng Hải B. là thợ xây ở thôn Vân Ngoại sang tu sửa, đã dựng cột, đổ trần hiên cất xiên hoa, làm nền lát sân, xây tường bao. Khi ông B. đến khảo sát công trình lúc này có gặp cụ L. và bà Á., cụ L. có nói với ông B. nhà đất này đã bán cho ông Kh., bà M., còn nhà phía sau thì bán cho ông Hoàng Tuấn Th.. Sau đó, ông Kh., bà M. có đưa giấy chuyển nhượng nhà đất cho ông B. ký vào giấy chuyển nhượng với tư cách là người làm chứng. Do có khó khăn về kinh tế, con ông bà còn nhỏ nên vợ chồng ông bà dừng lại việc sửa chữa, không làm nữa và thanh toán hết số tiền công cho ông B., khoảng gần 01 triệu, có giấy xác nhận ông B. về việc sửa chữa nhà. Gia đình ông bà sinh được 02 con trai nên ông bà lại mua thêm chỗ đất khác để làm nhà và sinh sống ra chỗ đất mới này, còn nhà mua của cụ L. thì vợ chồng ông bà lúc đó chưa có tiền nên tạm thời dừng lại không sửa chữa mà khi nào ổn định về kinh tế thì vợ chồng ông, bà sẽ tính tiếp sửa chữa để làm nhà thờ.

Đến năm 2005, thì ông V. cũng về hỏi cụ L. về việc bán nhà cấp bốn phía trước cho ông Kh., bà M., thì cụ L. đã nói là bán cho ông Kh. chị Mít, ông V. về T.K để Cụ M. lo cho, Cụ L. không có nhà đất gì cho ông V. cả.

Khoảng tháng 8 năm 2007 đến tháng 12 năm 2009 thì vợ chồng ông bà có đi cân phế liệu ở ngoài Quảng Ninh có đứa cháu con bà cô tên Lê Doãn H1. có gọi điện thoại cho vợ chồng ông, bà đến ở nhờ nên ông, bà đã đồng ý cho cháu ở nhờ, trước khi cháu Hùng đến ở nhờ, gian buồng phía Tây thừa đất bị dột nát

nên ông Kh. có mang 10 tấm bờ lô và đòn tay đến để lợp lại gian buồng cho vợ chồng cháu ở. Vợ chồng cháu Hùng ở được khoảng 03 năm thì cháu mua được đất làm nhà nên không ở nhờ nữa, sau đó vợ chồng ông, bà khóa cửa để đấy. Đến ngày 18/6/2018 (âm lịch) khoảng hơn 8 giờ sáng ông Hoàng Văn V. tự động phá cửa chuyển đồ đạc vào nhà và không nói với vợ chồng ông, bà.

Ngày 01/7/2020 ông Kh., bà M. đã gửi đơn lên Ủy ban nhân dân xã yêu cầu hòa giải. Tại buổi hòa giải 15/7/2020, thì ông V. đưa ra tờ di chúc phôtô đã được bôi mực vào tay bố ông, bà để điểm chỉ cùng với một số người trong họ chứng kiến, tờ di chúc này không có chữ ký của bà A., không có chữ ký của các con trong gia đình (tờ di chúc được đưa cháu họ viết hộ).

Theo Bản di chúc mà ông V. đưa ra được lập ngày 13/12/2006 thì ông, bà M. khẳng định là không hợp pháp bởi lẽ lúc này cụ L. bị tai biến nặng không nhận thức được hành vi của mình, hơn nữa tài sản nhà đất hiện đang có tranh chấp là tài sản trong thời kỳ hôn nhân của bố ông và bà Đỗ Thị A. nên việc ông V. tự tạo ra bản di chúc này là không đúng bởi nếu làm di chúc thì phải có chữ ký của cụ L. (mà chỉ có điểm chỉ) và mẹ kế là bà A. ký vào.

Bản di chúc này gồm những người là ông Hoàng Tuấn A1., Hoàng Tuấn B2., Hoàng Tuấn M1., Hoàng Tuấn T1., Hoàng Tuấn N1., Hoàng Tuấn M2. (đều là những người cùng họ), có chị Phạm Thị Ch. (ở thôn V.N) là cháu trong họ và người đứng ra ghi bản di chúc là cháu Hoàng Thị L1. - con gái của Phạm Thị Ch.. Hiện nay những người đứng ra ký vào bản di chúc mà ông V. cho rằng cụ L. để lại thì một số ông đã chết là ông T1., M1., N1., M2..

Việc Ủy ban nhân dân xã hòa giải lần một không thành, vợ chồng ông, bà đang chờ hòa giải lần 2 thì V. gọi thợ hàn đến hàn công, hàng rào sắt, bắn tôn kín hết sân căn nhà mà vợ chồng ông, bà đã mua của cụ L..

Việc ông V. cho rằng ông Kh. ghi chữ “không mua” trên sơ đồ mà ông V. cung cấp cho Tòa án là không đúng, vì bản sơ đồ không thể hiện nội dung và chữ ký, viết của ông Kh., hay cụ L..

Hiện nay trên nhà đất này thì có vợ chồng ông V. và các con đang sinh sống. Công tơ điện nước nhà mà ông V. đang ở hiện nay vẫn mang tên vợ chồng ông Kh., bà M..

Nhà đất hiện đang có tranh chấp này đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hoàng Tuấn L., tuy nhiên do ông Hoàng Tuấn Th. (con bà A.) đã cầm cố thế chấp toàn bộ nhà đất (trong đó có cả diện nhà đất của vợ chồng ông, bà mua) tại Ngân Hàng, do vậy nên vợ chồng ông, bà không làm được thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tách quyền sử dụng đất.

Nay ông bà M. có đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Hoàng Tuấn V., bà Nguyễn Thị C. phải trả lại nhà đất cho vợ chồng ông, bà có diện tích khoảng 180m² tại Thôn V.N, xã H.T, huyện K.C, tỉnh Hưng Yên, mà vợ chồng ông, bà đã mua của cụ L., cụ Âm.

Bị đơn ông Hoàng Văn V. trình bày tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải có quan điểm như sau:

Về quan hệ huyết thống ông V. cũng có lời khai giống với lời khai của nguyên đơn.

Về nguồn gốc nhà đất hiện nay đang có tranh chấp như sau:

Vào ngày 13/12/2006, cụ L. có làm di chúc và mời anh em con cháu trong họ đến chứng kiến cụ thể là ông Hoàng Tuấn M1., ông Hoàng Tuấn A1., Hoàng Tuấn B2., Hoàng Tuấn M1., Hoàng Tuấn T1., Hoàng Tuấn N1., Hoàng Tuấn M2. (đều là những người cùng họ), có chị Phạm Thị Ch. (ở thôn V.N) là cháu trong họ và người đứng ra ghi bản di chúc là cháu Hoàng Thị L1. - con gái của Phạm Thị Ch.; bà Hoàng Thị Tam đến chứng kiến. Khi lập di chúc thì có mặt ông V., ông Kh., ông Th., cụ Âm. Hiện nay ông M1., ông T1., ông N1., cháu M2. đã chết.

Tuy nhiên ba anh em và bà Â. không ký vào bản di chúc, vì nghĩ đây là tài sản của bố để lại cho ông V.. Theo nội dung di chúc thì cụ L. để lại cho ông V. 01 nhà ngoài bốn gian, giáp mặt đường; để lại cho bà Â. 01 nhà bốn gian (phía sau), còn 01 mảnh đất ngoài đường 39A chia cho ông Hoàng Tuấn Kh. và Hoàng Tuấn Th.. Khi lập di chúc có mặt ông Kh. nhưng ông Kh. không nói gì và không thông báo là nhà đất bố lập di chúc này ông Kh. đã mua. Sau khi bố ông lập di chúc nhà đất nêu trên cho ông thì vợ chồng ông chưa ở nhà đất này mà vẫn làm ăn sinh sống trong Gia Lai. Nhà đất này khóa cửa để đầy, do bà Â. trông coi, ông, bà có nhờ ông Kh. thỉnh thoảng đến quét dọn hộ. Đến năm 2009 hay 2010 thì ông không nhớ rõ ông Kh. có cho cháu Hùng (con nhà cô Lua) có quan hệ họ hàng đến ở nhờ được khoảng 01 hay 02 năm gì đó, sau đó nhà này lại bỏ hoang. Đến năm 2017 - 2018 gì đó, ông không nhớ, ông Kh. có đến nhà đất này phá bếp khi ông không có nhà, ông có đến hỏi thì ông Kh. nói là bị sập đổ ra đường nên hàng xóm họ nói, ông đến phá đi. Đến khoảng tháng 10 năm 2018 thì vợ chồng con cái ông chuyển về nhà đất này để sinh sống, khi chuyển đến đây vợ chồng ông đã cải tạo lại nhà bếp, công trình phụ, bồn tắm, xây lại tường bao, làm lại sân đổ bê tông và làm lại vòm mái tôn để che mưa nắng. Hiện nay trên nhà đất này có vợ chồng ông và con trai là Hoàng Văn N. sinh sống. Việc ông Kh., bà M. có đơn khởi kiện ông về việc đòi chia lại nhà đất mà hiện nay ông đang ở là không có căn cứ bởi trước khi cụ L. lập di chúc vào năm 2006 thì bố ông có chia nhà đất mà hiện nay ông đang sinh sống cho ông Kh. nhưng ông Kh. lại không mua, đòi chia lại nhà đất nên mới có bản di chúc lập năm 2006 chia cho ông Kh., anh Thuận đất ngoài đường 39A (ông Th. đã bán đất được chia này vào khoảng năm 2006- 2007).

Về việc ông Kh., bà M. có đơn khởi kiện ông về nhà đất này thì ông có quan điểm là không đồng ý trả lại nhà đất này vì bố ông đã chia cho ông nên ông Kh., bà M. không có quyền được đòi lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị C., anh Hoàng Văn N., ông Hoàng Tuấn Th. đều có quan điểm giống với bị đơn ông Hoàng Văn V..

Người có quyền nghĩa vụ liên quan là bà Đỗ Thị Â. trình bày:

Về quan hệ huyết thống bà Â. trình bày cũng giống như lời khai của nguyên đơn, bị đơn.

Về nguồn gốc đất hiện nay đang có tranh chấp là có nguồn gốc của các cụ để lại chứ không phải là tài sản của Cụ L. hay cụ Âm tạo lập nên.

Nhà đất hiện nay đang có tranh chấp thì được cụ L. và cụ Âm xây dựng vào năm nào thì cụ không nhớ rõ, cụ chỉ nhớ là toàn bộ tiền của cụ và cụ L. bỏ ra xây dựng.

Nay ông Kh. có đơn khởi kiện ông V. đòi lại nhà đất thì quan điểm của cụ là đề nghị Tòa án căn cứ bản di chúc mà chồng cụ đã lập để lại nhà đất này cho ông V..

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị H. trình bày:

Về quan hệ huyết thống cũng giống như lời khai nguyên đơn, bị đơn.

Về nguồn gốc đất hiện nay đang có tranh chấp thì bà H. chỉ biết là đất của các cụ để lại cho bố mẹ bà, còn việc ông Kh. có mua bán nhà đất với cụ L. hay việc ông V. được cụ L. lập di chúc cho nhà đất hiện đang có tranh chấp thì bà đều không được biết vì bà đã đi lấy chồng và làm ăn xa nên không quan tâm đến nhà đất của bố mẹ

Nay ông Kh. có đơn khởi kiện ông V. về nhà đất thì bà có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng là ông Hoàng Hải B. trình bày: Vào khoảng năm 2001 thì ông Kh., bà M. có nhờ ông đến sửa chữa lại nhà đất mà hiện nay đang có tranh chấp, lúc đó ông có đến khảo sát công trình và gặp cụ L. và cụ Âm, cụ L. có nói với ông là đã bán cho ông Kh., bà M. nhà phía trước này, còn nhà phía sau thì bán cho ông con trai út là ông Th., nên lúc đó vợ chồng ông Kh. có mang giấy chuyển nhượng lập năm 1998 bảo tôi ký vào với tư cách là người làm chứng.

Người làm chứng là bà Hoàng Thị Nhài trình bày: Bà có quan hệ họ hàng với ông Hoàng Tuấn L., ông Lộ là chú họ của bà và bà cũng là hàng xóm cạnh nhà ông Lộ và bà A.. Bà được biết vào năm 2006 thì ông Hoàng Tuấn L. bị tai biến khi đi viện về thì bà có đến nhà chơi thấy lúc này ông Lộ chỉ nằm không nói chuyện được, không cử động được, không nhận thức được ai cả. Bà cũng không biết việc ông Lộ lập di chúc cho con cái, bà chỉ được nghe hàng xóm nói lại là ông Hoàng Tuấn L. có bán chia nhà đất cho con trai là anh Hoàng Tuấn Kh., nhà đằng sau cho anh Thuận . Ngoài ra, bà còn làm công việc đi thu tiền điện từ năm 2003 cho đến nay thì nhà đất hiện nay đang có tranh chấp giữa ông Hoàng Tuấn Kh. và Hoàng Văn V. thì công tơ điện vẫn mang tên hộ ông Hoàng Tuấn Kh..

Người làm chứng là bà Vũ Thị Lý trình bày: Bà là hàng xóm cạnh nhà cụ L. cách đó một hai nhà. Bà được biết vào năm 2006 ông Lộ bị tai biến khi đi viện về thì bà có đến chơi thấy lúc này ông Lộ chỉ nằm không nói chuyện được, không cử động được, không nhận thức được ai. Bà không biết việc ông Lộ có bán nhà cho ông Kh. hay lập di chúc cho ông V. không, mà bà thấy ông Kh., bà M. có sửa chữa nhà đất đang có tranh chấp và có cho người đến ở nhờ.

Người làm chứng là ông Hoàng Tuấn B2., ông Hoàng Tuấn A1., bà Phạm Thị Ch., Hoàng Thị L1., Hoàng Thị Tam có trình bày lời khai giống nhau: Điều xác định cụ L. lập di chúc cho ông Hoàng Văn V. là nhà đất hiện nay đang có tranh chấp, bản di chúc này không được chứng nhận tại uỷ ban nhân dân xã, các ông bà này đều có quan điểm xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự số 06/2022/DS - ST ngày 01/7/2022, của TAND huyện K.C đã quyết định:

Căn cứ: Các Điều Điều 30, Điều 73 Luật đất đai năm 1993; Điều 107, Điều 129 Luật đất đai năm 2003; Điều 652, 658, của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2005; Điều 129; 147 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Tuấn Kh., bà Nguyễn Thị M..

Buộc ông Hoàng Văn V., bà Nguyễn Thị C. và anh Hoàng Văn N. phải có trách nhiệm giao lại nhà đất có diện tích là 186,1m² trong thửa số 527, tờ bản đồ số 20 tại thôn V.N, xã H.T, huyện K.C, tỉnh Hưng Yên cho ông Hoàng Tuấn Kh., bà Nguyễn Thị M. (có sơ đồ giao nhà kèm theo).

Ông Hoàng Tuấn Kh., bà Nguyễn Thị C. phải trả cho ông Hoàng Văn V. số tiền là 50.000.000 đồng (số tiền lợp tôn, sửa chữa nhà)

Kể từ ngày bản án, có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành không thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Buộc ông Hoàng Văn V. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là 300.000 đồng.

Ông Hoàng Tuấn Kh. và bà Nguyễn Thị M. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng, được trừ vào số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng mà Ông Hoàng Tuấn Kh. và bà Nguyễn Thị M. đã nộp tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0007607 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.C, tỉnh Hưng Yên, nên trả lại ông Hoàng Tuấn Kh. và bà Nguyễn Thị M. số tiền là 4.500.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.C, tỉnh Hưng Yên.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ông Hoàng Văn V. kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Tuấn Kh. vì không có việc khi cụ L. còn sống đã bán thửa đất trên cho ông Kh..

Quá trình giải quyết ở cấp phúc thẩm:

Ông Hoàng Văn V. xác định giấy nhượng nhà đất là giả và ông yêu cầu giám định chữ viết không mua với chữ viết của ông Kh. để xác định ông Kh. khi xác định không mua nên mới viết và thời điểm viết giấy chuyển nhượng cụ Đỗ Thị Hạnh không có số chứng minh thư nhân dân là 145747779 vì lúc đó vẫn là tỉnh Hải Hưng nên chung đầu số 140... Do đó đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Hoàng Tuấn Kh. và bà Nguyễn Thị M.. Ông V. xác định chỉ kháng cáo yêu cầu TAND tỉnh Hưng Yên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Kh. và bà M. vì giấy chuyển nhượng nhà đất vợ chồng ông Kh. xuất trình làm căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là giả chứ ông không yêu cầu Tòa án chia thừa kế theo di chúc hay theo pháp luật.

Ông Kh. xác định căn cứ vào giấy nhượng nhà đất được lập vào ngày 21/7/1998 giữa ông với cụ L. và cụ Âm để ông xác định thửa đất có diện tích là 186,1m² trong thửa số 527, tờ bản đồ số 20 tại thôn V.N, xã H.T, huyện K.C, tỉnh Hưng Yên là của vợ chồng ông, buộc ông V. phải trả, chứ ông không yêu cầu chia thừa kế. Ngoài ra ông Kh. cam kết chữ không mua trong sơ đồ mà ông V. xuất trình không phải chữ viết của ông, nếu sai ông chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Quá trình giải quyết TAND tỉnh Hưng Yên đã ra quyết định trưng cầu giám định để xác định những chữ viết và chữ số bị viết đè nên trong giấy chuyển nhượng nhà đất do ông Kh. xuất trình là chữ viết và chữ số nào? Và chữ không mua trong sơ đồ mà ông V. xuất trình cho rằng là chữ viết của ông Kh. viết để xác định ông Kh. không mua đất và nhà của cụ L. là có đúng không?

Tại kết luận giám định số 63/KL-KLHS ngày 02/02/2023 và kết luận số 269/KL-KTHS ngày 20/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên kết luận chữ “Châu Giang” viết đè nên chữ “K.C” chữ số 059034 được sửa từ số 5884969 và chữ bị mất được sửa từ số 145884968 và chữ không mua với mẫu chữ viết do Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên thu thập của ông Kh. do một người viết ra.

Tại công văn số 28/PC06 ngày 10/01/2013 của Phòng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cung cấp số chứng minh thư 140590342 do Công an tỉnh Hải Hưng cấp (tờ khai không ghi ngày tháng) Số chứng minh thư 145884969 do Công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 30/6/2014 cho ông Kh. và chứng minh thư số 145884968 do Công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 30/6/2014 cấp cho chị Nguyễn Thị M. và số chứng minh thư số 145747779 do Công an tỉnh Hưng Yên cấp cho cụ Bùi Thị Âm ngày 03/5/2012.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trên, ông Kh. xác định nếu có căn cứ xác định chữ “ không mua” là của ông thì đúng là ông không mua đất của cụ L. và cụ Âm, ngoài ra ông Kh. còn xác định toàn bộ chữ viết trong giấy chuyển nhượng nhà đất là ông Viết vào ngày 21/7/1998 và vợ chồng ông Kh. và bà M. đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông V., giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Đại diện VKSND tỉnh Hưng Yên

- Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, những người tiến hành tố tụng, các đương sự tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đường lối giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Văn V. (Tuấn V.), giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 06/2022/DS - ST ngày 01/7/2022, của TAND huyện K.C.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ, HĐXX nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Tuấn Th. và bà Hoàng Thị H., nhưng có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng

mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt những người trên là phù hợp.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Văn V., Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về giấy chuyển nhượng nhà do ông Kh. và bà M. xuất trình, ông Kh. và bà M. xác định cụ L. và cụ Âm chuyển nhượng nhà và đất cho vợ chồng ông vào ngày 21/7/1998, được thể hiện ở giấy chuyển nhượng nhà và đất ghi cùng ngày, tuy nhiên theo giấy chuyển nhượng trên có dấu hiệu bị sửa chữa, cụ thể theo kết luận giám định số 269/KL-KTHS ngày 20/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên kết luận chữ “Châu Giang” trong giấy chuyển nhượng viết đè nên chữ “K.C” và tại phần ghi số chứng minh thư nhân dân của bà M. bị chữ “đã mất” đè lên là số chứng minh thư 145884968 và số chứng minh thư nhân dân của cụ Âm trong giấy chuyển nhượng ghi 145747779 trong khi đó theo Nghị định 60/1999/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính và chia huyện Châu Giang và huyện Mỹ Văn thì huyện Châu Giang được tách thành hai huyện Văn Giang và K.C. Như vậy, tại giấy chuyển nhượng nhà đất ghi ngày 21/7/1998 lúc này chưa tách huyện Châu Giang và vào thời điểm ngày 21/7/1998 chưa có huyện K.C trong khi đó giấy chuyển nhượng đã ghi huyện K.C là không phù hợp. Mặt khác theo cung cấp tại Công văn số 28/PC06 ngày 10/01/2013 của Phòng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cung cấp số chứng minh thư 145884969 do Công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 30/6/2014 cho ông Kh. và chứng minh thư số 145884968 do Công an tỉnh Hưng Yên cấp ngày 30/6/2014 cho bà M. và số chứng minh thư số 145747779 do Công an tỉnh Hưng Yên cấp cho cụ Bùi Thị Âm ngày 03/5/2012, trong khi đó trong giấy chuyển nhượng nhà đất ghi ngày 21/7/1998 đã có số chứng minh thư trên là không phù hợp vì bản thân ông Kh. không thể biết trước được số chứng minh thư của cụ Âm, ông Kh. và bà M. được cấp năm 2014 được cũng như ông Kh. không thể biết trước được vào thời điểm ngày 21/7/1998 xã H.T thuộc huyện K.C. Như vậy có căn cứ xác định giấy chuyển nhượng nhà đất phải được lập sau ngày 30/6/2014. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định cụ L. mất năm 2007. Do đó giấy chuyển nhượng nhà đất trên phải được lập sau khi cụ L. đã mất, nên ông Hoàng Văn V. cho rằng giấy chuyển nhượng nhà đất ngày 21/7/1998 do vợ chồng ông Kh. và bà M. xuất trình là giả là có căn cứ.

[2.2] Đối với lời khai của ông Kh. và bà M. xác định thừa đất và nhà đã mua của cụ L. và cụ Âm với giá trị là 3 tấn thóc, nhưng vợ chồng ông Kh. và bà M. không cung cấp được chứng cứ chứng minh có việc đưa cho cụ L. 3 tấn thóc, trong khi đó cụ Âm là vợ của cụ L. xác định không có việc vợ chồng ông Kh. và bà M. trả vợ chồng cụ 3 tấn thóc, lời khai của cụ Âm, ông V. và ông Th. (con cùng cha khác mẹ với ông Kh.) đều xác định vợ chồng ông Kh. không mua và ông Kh. đã viết vào sơ đồ nhà đất do cụ L. khi còn sống đưa cho ông V. giữ, mặc dù quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm ông Kh. cho rằng chữ viết đó không phải của ông, tuy nhiên tại kết luận giám định số 63/KL-KLHS ngày 02/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên kết luận chữ “Không mua” trong sơ đồ nhà đất và chữ viết tại bản tự khai, giấy chuyển nhượng nhà đất ghi ngày 21/7/1998 (ông Kh. là người viết) đều do một người viết ra (ông Kh. là người viết). Như vậy lời khai của cụ Âm, ông Th. và ông V. phù hợp với kết luận giám định. Thực tế năm 2018 khi vợ chồng ông V. và bà C. từ trong Gia Lai về tiến hành tu sửa nhà làm sân, nhà bếp và xây dựng tường bao vợ chồng ông Kh. không phản đối còn làm giúp vợ chồng ông V.. Hơn nữa theo lời khai của cụ Âm, ông Hoàng Tuấn A1., Hoàng Tuấn B2., Hoàng Tuấn M1., bà Phạm Thị

Ch. (ở thôn V.N) và bà Hoàng Thị Tam đều xác định ngày 16/3/2006 khi cụ L. lập di chúc cho ông V. phần đất và nhà hiện đang tranh chấp có mặt cả ông Kh., nhưng ông Kh. không có ý kiến gì, Như vậy nếu xác định cụ L. đã bán cho ông Kh. và ông Kh. đã trả cụ L. thóc thì tại sao khi chứng kiến việc cụ L. lập di chúc cho ông V. thì ông Kh. lại không có ý kiến?

Từ những phân tích tại mục [2.1] và [2.2] trên có căn cứ xác định vợ chồng ông Kh. và bà M. không mua đất và nhà của vợ chồng cụ L. nên kháng cáo của ông Hoàng Văn V. đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Tuấn Kh. và bà Nguyễn Thị M. là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về phía ông Hoàng Tuấn Kh., bà Nguyễn Thị M. xác định căn cứ vào giấy chuyển nhượng nhà đất được lập ngày 21/7/1998 để xác định quyền sử dụng đất thuộc về ông Kh. và bà M. buộc ông V. phải trả chứ không yêu cầu chia thừa kế; về phía ông V. xác định giấy chuyển nhượng nhà đất được lập ngày 21/7/1998 là giả và yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên bác yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Kh. và bà M. chứ ông không yêu cầu chia thừa kế theo di chúc hay pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét chia thừa kế trong vụ án này.

Do phần diện tích đất tranh chấp vẫn là di sản thừa kế của cụ L. và tài sản chung của cụ L. và cụ Âm nên các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu chia thừa kế bằng một vụ án khác, tòa án sẽ xem xét giải quyết khi các đương sự có yêu cầu.

Về chi phí cho việc giám định: Chấp nhận sự tự nguyện của ông Hoàng Văn V. tự nguyện chịu toàn bộ chi phí cho việc giám định.

Về án phí: Ông Hoàng Văn V. kháng cáo có cơ sở chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm. Ông Hoàng Tuấn Kh. và bà Nguyễn Thị M. khởi kiện không có cơ sở đề cấp phúc thẩm quyết định phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 147 và 148 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Văn V..

Sửa Bản án dân sự số 06/2022/DS - ST ngày 01/7/2022, của TAND huyện K.C.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Hoàng Tuấn Kh. và bà Nguyễn Thị M. về việc yêu cầu vợ chồng ông Hoàng Văn V. và bà Nguyễn Thị M. về việc buộc ông Hoàng Tuấn V., bà Nguyễn Thị C. phải trả lại nhà đất cho vợ chồng ông, bà có diện tích khoảng 180m² tại Thôn V.N, xã H.T, huyện K.C, tỉnh Hưng Yên.

Về chi phí cho việc giám định: Chấp nhận sự tự nguyện của ông Hoàng Văn V. chịu toàn bộ số tiền chi phí cho việc giám định.

Về án phí sơ thẩm: Vợ chồng ông Hoàng Tuấn Kh. và bà Nguyễn Thị M. phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng mà ông Hoàng Tuấn Kh. và bà Nguyễn Thị M. đã nộp tiền tạm ứng

án phí theo Biên lai thu số 0007607 ngày 13/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.C, tỉnh Hưng Yên, số tiền còn lại 6.700.000đ trả lại ông Hoàng Tuấn Kh. và bà Nguyễn Thị M..

Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả ông Hoàng Văn V. 300.000đ tiền tạm ứng án phí ông V. đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0007850 ngày 12/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.C, tỉnh Hưng Yên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TA, THA huyện K.C
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Hữu Tăng